

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 19-6-2020

V/v “*Không công nhận là vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam
2. Ông Hoàng Xuân Ty

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Trần Văn Tuấn- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 1 năm 2020 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Trần Đăng H, sinh năm: 1959; địa chỉ: Thôn 8- xã Quảng K huyện Đắk G , Tỉnh Đắk Nông (có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. *Bị đơn:* bà Trần Thị V, sinh năm: 1960; địa chỉ: số nhà 946 đường Nguyễn Văn C , tổ 1 , phường Lộc Phát ,Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Đăng H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông có chung sống cùng bà Trần Thị V vào năm 1988 tại xã Lộc Phát (nay là Phường Lộc Phát), Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng có kê khai nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau đó ông H , bà V vào huyện Bảo Lâm sinh sống làm ăn. Trong quá trình chung sống hai người đã có chung 04 người con, nay 04 con chung đã trưởng thành. Mâu thuẫn phát sinh là do trong cuộc sống tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng với nhau về mọi mặt trong cuộc sống từ đó dẫn đến cãi vã xúc phạm ngược đãi lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không khắc phục được. Năm 2013 ông H và bà V không còn chung sống với nhau nữa, không còn sự quan tâm lẫn nhau. Ông H đề nghị xin được chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà V.

- Về con chung: Có 04 con chung tên là Trần Đăng S, sinh năm 1988, Trần Đăng D ,sinh năm 1990, Trần Đăng H sinh năm : 1992,Trần Trung H sinh năm 1996. Cả 4 con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông H chung sống năm 1988 có cưới hỏi theo phong tục có kê khai nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm ông H hay có thái độ hành hung đe dọa bà nên cuộc sống chung không hạnh phúc từ năm 2013 ông H bỏ nhà đi để bà ở nhà tự lo liệu gánh vác chuyện gia đình, hiện nay vợ chồng không có cuộc sống chung, tình cảm không còn nhưng bà chưa đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như ông H khai là đúng, nay các con chung đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Về quan hệ hôn nhân căn cứ điều 14 luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H không công nhận ông H và bà V là vợ chồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Trần Đăng H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị V đã được tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 1 điều 228 xét xử vắng mặt ông H. Căn cứ khoản 2 điều 227 xét xử vắng mặt bà V

[2] Áp dụng pháp luật :ông Trần Đăng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Trần Thị V, hiện cư trú tại số nhà số nhà 946 đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 18, phường Lộc Phát, Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp ông Trần Đăng H và bà Trần Thị V hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, hai bên bất đồng với nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm qua không thể khắc phục được. Tuy ông H và bà V sống chung với nhau như vợ chồng đến nay đã 32 năm và đã sinh được 04 con chung có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bà V không chịu hợp tác để giải quyết vụ án bà chưa đồng ý chấm dứt quan hệ sống chung cùng ông H mặc dù 2 người đã sống ly thân 7 năm nay. Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện giữa ông H, bà V đã mâu thuẫn trầm trọng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc sống chung được

Theo Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000 thì quan hệ giữa ông H, bà V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tòa án căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình xử tuyên bố không công nhận ông H, bà V là vợ chồng là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] - Về con chung: Có 04 con chung tên là Trần Đăng S, sinh năm 1988, Trần Đăng D, sinh năm 1990, Trần Đăng H sinh năm : 1992, Trần Trung H sinh năm 1996. Cả 4 con chung đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: ông H không phải chịu án phí HNGĐ theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; 144; Điều 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015
- Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2000;
- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/ ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng H về việc “Không công nhận là vợ chồng” đối với bà Trần Thị V.

2/ Xử tuyên bố không công nhận ông Trần Đăng H và bà Trần Thị V là vợ chồng.

4/ Về án phí: Trần Đăng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ông H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự Vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND TP. Bảo Lộc.
- Đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Bông[đã ký]